

Số: 14/2020/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 135/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông C (C1), sinh năm 1958.

Nơi cư trú: số 74 ấp L, xã H, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: ấp M, xã T, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Phan Hữu H, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: số 181/A khu phố B2, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị M, sinh năm 1975;
- Ông Phan Văn H2, sinh năm 1982;
- Bà Phan Thị L, sinh năm 1985;
- Bà Phan Thị Mỹ H3, sinh năm 1989;
- Bà Phan Thị Hồng H4, sinh năm 1989;
- Ông Phan Hữu H5, sinh năm 1995;
- Bà Hồ Thị D, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: số 181/A khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông Hòa uỷ quyền cho Phan Thị Hồng H4.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông C (C1) được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 185m² thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Trong đó, 35.45m² đất ở đô thị và 149.55m² đất trồng cây lâu năm) và các tài sản trên đất, trong đó có nhà 1-4, nhà 2-3 và nhà 3-2 (có họa đồ kèm theo).

Ông Phan Hữu H được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 161.6m² thuộc thửa đất số 35A, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (trong đó, 35.45m² đất ở đô thị và 126.15m² đất trồng cây lâu năm) và các tài sản trên đất, trong đó có nhà 1-2, nhà 2-2 và nhà 3-1 (có họa đồ kèm theo).

Ông C (C1) và ông Phan Hữu H tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ghi nhận việc ông Phan Hữu H, bà Phan Thị M, ông Phan Văn H2, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Mỹ H3, bà Phan Thị Hồng H4, ông Phan Hữu H5, bà Hồ Thị D không yêu cầu ông C (C1) bồi hoàn giá trị các tài sản trên đất.

Về chi phí thu thập chứng cứ do nguyên đơn tự nguyện nộp và đã nộp xong.

Về án phí: Ông C (C1) là người cao tuổi nên được miễn. Ông Phan Hữu H phải nộp tiền án phí là 28.050.750 (hai mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Xuân Triều